TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CP** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2020/DS-ST
NgàCP: 19/10/2020
"V/v tranh chấp đòi lại quCPền sử dụng đất bị lấn chiếm; HủCP giấCP chứng nhân quCPền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thu ThủCP;

2. Ông Lý Khắc Chung.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

NgàCP 13 và 19 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 223/2016/TLST – DS ngàCP 07 tháng 12 năm 2016 về "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất bị lấn chiếm; hủy giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2020/QĐXXST-DS ngàCP 18 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *NguCPên đơn*:
Ông Phạm Hồng Qu, sinh năm 1951.
Bà Lý Thị Tuyết V, sinh năm 1961
Cùng trú tại tổ 03, ấp Vĩnh Th, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang.
Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Ông Phạm Hồng Qu, sinh năm 1951. Trú tại tổ 03, ấp Vĩnh Th, thị trấn CD tỉnh An Giang, theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2019. (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn T, sinh năm 1948, (Có mặt);

Bà Lương Thị B, sinh năm 1951.

Cùng trú tại tổ 03, ấp Vĩnh Th, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Bà Trần Thị Thanh Tuyền, sinh năm 1972. Trú tại tổ 03, ấp Vĩnh Th, thị trấn CD tỉnh An Giang, theo văn bản ủy quyền ngày 01/6/2020. (Có mặt). (Bà Tuyền nộp giấy ủy quyền cho Tòa án ngày 13/10/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2016 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Phạm Hồng Qu, bà Lý Thị Tuyết V trình bày: Ông Qu, bà V là vợ chồng, ông bà có diện tích đất 833,6m^2 tọa lạc tại ấp Vĩnh Th, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang, được Ủy ban nhân dân huyện CP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02480Dc ngày 12/4/2006 cho ông Qu, bà V đứng tên. Đến năm 2016, vợ chồng ông bà xây hàng rào giáp ranh với đất của ông Trần Văn T, bà Lương Thị B (đất của ông T, bà B cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thời điểm với nguyên đơn) thì thấy phần đất phía sau bị ông T, bà B lấn chiếm khoảng 25m^2, trên phần đất bị lấn chiếm ông T bà B trồng 02 cây me tây, 02 cây gáo, 02 cây ổi. Ngoài ra, trên ranh đất phía trước ông T bà B còn trồng 01 cây gáo, 03 cây gòn, 01 cây mít, 02 cây mãn cầu, 01 cây xoài, 01 cây mận các cây trồng này có tàng lớn, cành, rễ mọc lấn chiếm qua không gian đất của ông bà. Ông Qu, bà V yêu cầu ông T bà B trả lại diện tích đất lấn chiếm khoảng 25m^2, đồng thời yêu cầu chặt bỏ hoặc di dời các cây trồng trên diện tích lấn chiếm và chặt bỏ các cây có tàng lớn, rễ lấn chiếm không gian đất của ông bà.

Bị đơn ông Trần Văn T, bà Lương Thị B trình bày: Ông bà có diện tích đất 1260,80m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện CP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02448Dc ngày 12/4/2006 giáp ranh với đất của ông Qu bà V, phần ranh trước thống nhất không tranh chấp, ranh sau hiện không còn do Nhà nước mốc lên xuống trụ điện cao thế. Việc ông trồng cây là trồng trên đất của ông không trồng lấn chiếm qua đất của ông Qu, bà V, do đó ông T, bà B không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, phần đất của ông Qu bà V trước đây do ông giới thiệu mua lại của Sơn (đã chết), khi mua trước sau là 13m nhưng Nhà nước cấp giấy ngang sau là 13,27m. Bên cạnh đó, khi Nhà nước cấp đất cho nguCPên đơn, ông T haCP bà B đều không có ký tên vào hồ sơ cấp đất cho nguyên đơn. Vì vậCP, ông T bà B có CPêu cầu phản tố hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Qu bà V. Ngày 15/12/2017, Tòa án đã thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện CP ủy quyền cho Phòng tài nguyên và môi trường ký tại Công văn số 73/UBND-VP ngày 23/01/2018 có ý kiến về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Hồng Qu và bà Lý Thị Tuyết V như sau: Ngày 18/5/2004, ông Qu, bà V làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất với diện tích 833,6m^2 đất thổ cư, đất cây lâu năm và đất ao. Ngày 15/11/2005, Ủy ban nhân dân thị trấn CD xác nhận:

+ Về nguồn gốc sử dụng đất: Đất thổ cư và cây lâu năm mua của Lâm Thái Ng năm 2001;

+ Về T trạng tranh chấp, khiếu nại về đất: Không;

+ Về quy hoạch sử dụng đất: Phù hợp quy hoạch.

Khu đất được cán bộ chuyên môn của Trung tâm địa chính – Nhà đất tiến hành xác định ranh giới khu đất thực địa, có sự chứng kiến các hộ tứ cận và ký tên trong biên bản đo đạc xác định ranh giới sử dụng đất.

Ngày 12/4/2006, ỦCP ban nhân dân huyện CP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H0248Dc, tờ bản đồ số 12-13, diện tích 833,6m^2, loại đất thổ cư, cây lâu năm và đất ao. Thời điểm cấp giấy được thực hiện theo quy định: Luật đất đai năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngàCP 29/10/2004 của Chính phủ quy định về thi hành Luật đất đai; Quyết định số 777/2005/QĐ.UB ngàCP 30/3/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành bản quy định trình tự, thủ tục thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang. Do đó, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Hồng Qu và bà Lý Thị Tuyết V đứng tên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn có yêu cầu giám định chữ ký của bị đơn (do bà Lương Thị B) ký tứ cận trong hồ sơ cấp của ông Qu, bà V và cùng ngày 16/10/2002 bà B cũng ký tên tứ cận cho hộ bà Nguyễn Thị Hoa (giáp ranh với bị đơn).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đối với yêu cầu chặt các cây trồng trên phần đất lấn chiếm và chặt các tàn cây, rễ lấn qua không gian của nguyên đơn thì quá trình Tòa án giải quyết vụ án bị đơn đã chặt phá hết không còn nên không yêu cầu nữa.

Bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giữ nguyên yêu cầu phản tố hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huhện CP có văn bản đề nghị vắng mặt trong các lần hòa giải và xét xử.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhân một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn T và bà Lương Thị B có trách nhiệm trả cho ông Phạm Hồng Qu và bà Lý Thị Tuyết V diện tích đất lấn chiếm là 24,3m^2 tại các mốc điểm 2, 6, 12 trong đó từ điểm 6 đến 12 là 0,67m thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02480Dc ngày 12/4/2006 diện tích 833,6m^2 của ông Phạm Hồng Qu và Lý Thị Tuyết V, theo bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 09/9/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huCPện CP. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chặt bỏ hoặc di dời các cây trồng trên phần đất lấn chiếm, các tàn cây trồng, rễ lấn qua không gian đất của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện CP đã cấp cho nguyên đơn.

Về chi phí tố tụng, án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Ông Phạm Hồng Qu bà Lý Thị Tuyết V khởi kiện ông Trần Văn T bà Lương Thị B cùng trú tại ấp Vĩnh Th, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang và đất tranh chấp tọa lạc cùng nơi cư trú với bị đơn, nên Tòa án nhân dân huCPện CP thụ lý giải quyết là đúng với quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với yêu cầu hủCP giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quy định tại Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Tuy nhiên, vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý ngày 07/12/2016, theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết 104/2015/QH13, ngàCP 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân cấp huCPện đã thụ lý thì tiếp tục giải quyết. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CP tiếp tục giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện CP có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung giải quCPết vụ án:*

[2.1] Đối với yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất bị lấn chiếm:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, diện tích đang tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02480Dc ngàCP 12/4/2006 diện tích 833,6m^2 của ông Phạm Hồng Qu và Lý Thị Tuyết V. Tại Công văn số 73/UBND-VP ngày 23/01/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CP được Ủy ban nhân dân huCPện CP ủCP quCPền ký có ý kiến xác định việc cấp giấCP cho nguyên đơn là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Ông Qu, bà V đã được Nhà nước công nhận là người sử dụng đất hợp pháp theo Điều 3 Luật đất đai năm 2013 nên ông Qu, bà V được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai theo Điều 166 Luật đất đai năm 2013. Ngoài ra, khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ kết hợp với cơ quan chuyên môn về đo đạc diện tích đất đang tranh chấp, bản trích đo hiện trạng ngày 09/9/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện CP thể hiện hiện trạng đất đang tranh chấp tại các điểm 2, 6,12 có diện tích 24,3m^2 trong đó khoảng cách từ điểm 6 đến 12 là 0,67m nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Qu, bà V. Bên cạnh đó, tại phiên tòa, bị đơn ông T xác định độ dài phần đất ngang sau của ông là 20m, đều này phù hợp với bản trích đo hiện trạng thể hiện độ dài phần đất ngang sau của bị đơn là 20,02m (từ điểm 6 đến điểm 7), tổng diện tích đất bị đơn đã được cấp là 1260,8m^2 (từ điểm 1,2,6,7) đúng với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị đơn đã được cấp. Còn đất của nguyên đơn theo các điểm 2,3,4,5,6 diện tích là 833,6m^2 đúng với diện tích mà nguyên đơn đã được cấp. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Đối yêu cầu chặt bỏ hoặc di dời các cây trồng trên diện tích lấn chiếm và chặt bỏ các cây có tàng lớn, rễ lấn chiếm không gian đất của nguyên đơn. Tại phiên tòa nguyên đơn đã tự nguyện rút yêu cầu này. Xét, đây là sự tự nguyện của đương sự không trái với quy định của pháp luật, nên theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn: Bị đơn cho rằng khi ông Qu bà V mua đất thì ông T có chứng kiến việc mua bán này và phần đất ngang sau của ông Qu mua là 13m, nhưng Nhà nước cấp ngang sau là 13,27m là không đúng. Đồng thời, trong

hồ sơ cấp đất cho nguyên đơn thì ông T hay bà B (vợ ông T) không có ký tứ cận và có yêu cầu giám định chữ ký của bà B trong hồ sơ cấp đất cho nguyên đơn, nên bị đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận đã cấp cho nguyên đơn. Theo kết luận giám định ngày 24/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang " 5.1. Chữ ký mang tên Lương Thị B dưới mục "Vợ KT" trên "Biên bản đo đạc xác định ranh giới sử dụng đất" đề ngày 16/10/2002 (ký hiệu: A) so với chữ ký mang tên Lương Thị B trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M1 đến M8) không phải do cùng một người ký ra; 5.2. Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Lương Thị B dưới mục "Vợ KT" trên "Biên bản đo đạc xác định ranh giới sử dụng đất" đề ngàCP 16/10/2002 (ký hiệu: A) so với chữ ký mang tên Lương Thị B trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu: M9, M10) có phải do cùng một người ký ra haCP không. Ngoài kết luận giám định thì bị đơn không có chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu phản tố của bị đơn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, các chứng cứ Tòa án đã thu thập được tại các biên bản đo đạc xác định ranh giới sử dụng đất cùng ngày 16/10/2002 của các hộ Phạm Hồng Qu, Trần Văn T, Nguyễn Thị Hoa thể hiện bà Lương Thị B ký tứ cận hộ giáp ranh khi hộ ông Qu, hộ bà Hoa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà B còn ký chủ sử dụng đất trong biên bản đo đạc xác định ranh giới sử dụng đất của ông T, bà B. Do đó, có đủ cơ sở xác định vào thời điểm làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Qu, ông T, bà B đã thống nhất việc xác định ranh giới khu vực đất giữa hai bên và tại thời điểm đó hai bên không phát sinh tranh chấp về ranh đất giữa hai bất động sản liền kề. Đồng thời, còn phù hợp với Công văn số 73/UBND-VP ngày 23/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện CP xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Qu, bà V đứng tên là đúng trình tự, thủ tục theo quy định, còn phù hợp với biên bản đo đạc diện tích đất đang tranh chấp, bản trích đo hiện trạng ngày 09/9/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện CP thể hiện ông T, bà B có lấn chiếm đất như đã phân tích như trên và đã được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên yêu cầu phản tố của bị đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng:

- Chi phí đo đạc 1.314.500đ; Chi phí định giá và thẩm định tại chỗ 1.500.000đ; Chi phí giám định 4.200.000đ. Tổng cộng 7.014.500đ. Các chi phí nàCP ông Qu, bà V đã nộp tạm ứng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 157, Điều 161, Điều 165

của Bộ luật tố tụng dân sự, do đó ông T, bà B có trách nhiệm hoàn trả cho ông Qu, bà V chi phí tố tụng tổng cộng là 7.014.500đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vụ án thụ lý ngày 07/12/2006, theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Nghị quCPết 326/2016/UBTVQH14 ngàCP 30/12/2016 quCP định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì quyết định về án phí, lệ phí Tòa án được thực hiện theo quCP định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được thụ lý ngày 15/12/2017 là sau khi Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 có hiệu lực pháp luật, nên áp dụng quy định này để tính án phí. Do yêu cầu phản tố của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Đồng thời, bị đơn thuộc diện người cao tuổi được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quCPết 326/2016/UBTVQH14. Tuy nhiên, bị đơn không có đơn đề nghị miễn án phí theo quy định tại Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nộp cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử không xem xét miễn án phí cho bị đơn.

Vì các lẽ trên;

QUCPẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 161; Điều 165; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 166; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngàCP 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án;

- Điều Điều 14; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hồng Qu, bà Lý Thị Tuyết V đối với bị đơn ông Trần Văn T, bà Lương Thị B.

Buộc ông Trần Văn T, bà Lương Thị B có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Hồng Qu, bà Lý Thị Tuyết V diện tích đất lấn chiếm 24,3m^2 tại các điểm 2, 6,12, trong đó khoảng cách từ điểm 6 đến 12 là 0,67m (theo bản trích đo hiện trạng ngày

09/9/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện CP) thuộc thửa 12,13, tờ bản đồ số 24 trong tổng diện tích 833,6m^2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02480Dc ngày 12/4/2006 do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp cho ông Phạm Hồng Qu, bà Lý Thị Tuyết V đứng tên.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chặt bỏ hoặc di dời các cây trồng trên diện tích lấn chiếm và chặt bỏ các cây có tàng lớn, rễ lấn chiếm không gian đất của nguyên đơn.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Văn T, bà Lương Thị B về việc yêu cầu hủCP giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02480Dc ngày 12/4/2006 do Ủy ban nhân dân huyện CP cấp cho ông Phạm Hồng Qu, bà Lý Thị Tuyết V đứng tên.

- Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn T, bà Lương Thị B có trách nhiệm hoàn trả cho ông Phạm Hồng Qu, bà Lý Thị Tuyết V chi phí tố tụng tổng cộng là 7.014.500đ (Bảy triệu không trăm mười bốn nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn CPêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Vền án phí:

+ Ông Phạm Hồng Qu, bà Lý Thị Tuyết V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Qu, bà V được nhận lại 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013152 ngày 29/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

+ Ông Trần Văn T, bà Lương Thị B cùng phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, ông T, bà B còn phải nộp thêm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngàCP tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quCPền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAT An Giang;
- THA huCPện CP;
- VKSND huCPện CP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Mỹ